

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Cẩm L

Bà Phạm Kim N

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc D là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Minh Th.

Địa chỉ cư trú: ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T.

Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Minh Th trình bày: bà Phạm Thị

Minh Th và ông Phan Văn T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không lo chí thú làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và sử dụng ma túy làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Bà Th xác định hiện tại không còn yêu thương ông T nữa và giữ quan điểm cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T. Quá trình chung sống bà Th và ông T không có con chung, tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Phan Văn T, tính từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử chưa một lần chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng như thể hiện ý kiến của mình bằng văn bản đối với nội dung tranh chấp trong vụ án.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được: không.

Những nội dung mà các đương sự không thống nhất thỏa thuận được: bà Phạm Thị Minh Th yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn T. Ông Phan Văn T chưa thể hiện ý kiến.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Phạm Thị Minh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn T. Do đó, đây là tranh chấp ly hôn, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đối với ông Phan Văn T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phan Văn T.

[2] Về nội dung tranh chấp: bà Phạm Thị Minh Th và ông Phan Văn T kết hôn từ năm 2016, hiện tại ông, bà đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy

định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của bà Th và ông T được công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến việc vợ chồng cãi vã nhau, ông T không lo chỉ thú làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và sử dụng ma túy làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Đối chiếu quy định nêu trên với trường hợp của bà Th và ông T, cho thấy ông, bà đã không còn yêu thương nhau nữa, biểu hiện qua việc vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, nên vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong việc thực hiện các công việc hàng ngày, từ đó dẫn đến hậu quả là làm cho hôn nhân lâm vào T trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà Th cương quyết yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị Minh Th trình bày không có, nên không có tranh chấp, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Phạm Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh Th. Bà Phạm Thị Minh Th được ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về án phí: bà Phạm Thị Minh Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012739 ngày 05/02/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cẩm L – Phạm Kim N

Nguyễn Hữu B